

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGÔ THỊ NGỌC HÀ

**PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG
TIÊU CHUẨN QUỐC GIA Ở VIỆT NAM
TRONG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ PHÁT TRIỂN**

HÀ NỘI - Năm 2018

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGÔ THỊ NGỌC HÀ

**PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG
TIÊU CHUẨN QUỐC GIA Ở VIỆT NAM
TRONG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ PHÁT TRIỂN

Mã số: 62 31 01 05

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS Nguyễn Thị Thơm

HÀ NỘI - Năm 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả luận án

Ngô Thị Ngọc Hà

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|---|--------------|
| | 1 |
| MỞ ĐẦU | 1 |
| Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIÁ | 7 |
| 1.1. Các công trình nghiên cứu ở nước ngoài | 7 |
| 1.2. Các công trình nghiên cứu trong nước | 15 |
| 1.3. Đánh giá chung về các công trình nghiên cứu, vấn đề đặt ra và hướng nghiên cứu của đề tài luận án | 26 |
| Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA Ở VIỆT NAM TRONG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ | 29 |
| 2.1. Khái niệm phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia và sự cần thiết phải phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia ở Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế | 29 |
| 2.2. Nội dung, chỉ tiêu đánh giá và nhân tố ảnh hưởng đến phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế | 46 |
| 2.3. Kinh nghiệm phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia của một số nước và bài học rút ra cho Việt Nam | 66 |
| Chương 3: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA Ở VIỆT NAM TRONG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ | 79 |
| 3.1. Thực trạng phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia ở Việt Nam giai đoạn 2007-2016 | 79 |
| 3.2. Đánh giá chung về thực trạng phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia ở Việt Nam giai đoạn 2007-2016 | 109 |
| Chương 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG TIÊU CHUẨN QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2025 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035 | 119 |
| 4.1. Phương hướng phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 | 119 |
| 4.2. Giải pháp phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia ở Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 | 126 |
| KẾT LUẬN | 144 |
| DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ | 147 |
| DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO | 148 |
| PHỤ LỤC | |

BẢNG DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

| Viết tắt | Viết đầy đủ tiếng Anh | Viết đầy đủ tiếng Việt |
|----------|--|---|
| ACCSQ | ASEAN Consultative Committee for Standards and Quality | Ủy ban Tư vấn ASEAN về tiêu chuẩn và chất lượng |
| AEC | Asian Economic Community | Cộng đồng kinh tế ASEAN |
| ANSI | American National Standards | Viện Tiêu chuẩn Quốc gia Hoa Kỳ |
| APEC | Asia-Pacific Economic Cooperation | Diễn đàn Hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương |
| ASEAN | Association of Southeast Asian Nations | Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á |
| BSI | The British Standards Institution | Viện Tiêu chuẩn Vương quốc Anh |
| EMC | Electro-magnetic Compatibilty | Chỉ thị tiêu chuẩn về khả năng tương thích điện từ của thiết bị |
| FTA | Free Trade Agreement | Hiệp định thương mại tự do |
| ICS | International Classification of Standard | Khung phân loại tiêu chuẩn quốc tế |
| IEC | International Electrotechnical Commission | Ủy ban kỹ thuật điện quốc tế |
| ISO | International Organization for Standardization | Tổ chức Tiêu chuẩn hóa quốc tế |
| JIS | Japan Industrial Standard | Tiêu chuẩn quốc gia Nhật Bản |
| KAST | Korea Advanced Institute of Science and Technology | Cơ quan Công nghệ và Tiêu chuẩn Hàn Quốc |
| MoU | Memorendum of Understanding | Biên bản ghi nhớ |
| NSB | National Standard Body | Cơ quan tiêu chuẩn quốc gia |
| MRA | Mutual Recognition Arrangements | Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau |
| PASC | Pacific Area Standards Congress | Diễn đàn Tiêu chuẩn khu vực Châu Á - Thái Bình Dương |
| QCVN | | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Việt Nam |
| SDOs | Standards Developing Organizations | Các tổ chức xây dựng tiêu chuẩn |
| SPS | Sanitary and Phytosanitary Measure | Hiệp định về các biện pháp kiểm dịch động thực vật |
| TBT | Technical Barriers to Trade | Hiệp định về hàng rào kỹ thuật trong thương mại |
| TCĐLCL | | Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng |
| TCH | | Tiêu chuẩn hóa |
| TCKV | | Tiêu chuẩn khu vực |
| TCN | | Tiêu chuẩn ngành |
| TCQG | | Tiêu chuẩn quốc gia |
| TCQT | | Tiêu chuẩn quốc tế |
| TCVN | | Tiêu chuẩn quốc gia của Việt Nam |
| WTO | World Trade Organization | Tổ chức Thương mại thế giới |

DANH MỤC CÁC BẢNG

| <u>Số hiệu</u> | <u>Tên bảng</u> | <u>Trang</u> |
|-----------------------|---|---------------------|
| <i>Bảng 1.1:</i> | Các nghiên cứu quốc gia về tác động của tiêu chuẩn lên tăng trưởng kinh tế | 10 |
| <i>Bảng 2.1:</i> | Ký hiệu tiêu chuẩn quốc gia của một số nước..... | 32 |
| <i>Bảng 2.2:</i> | Chỉ số đánh giá tương ứng với các chức năng hoạt động/Dữ liệu đánh giá của doanh nghiệp | 57 |
| <i>Bảng 2.3:</i> | Hệ thống chỉ tiêu đánh giá sự phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia ở Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế | 58 |
| <i>Bảng 2.4:</i> | Các cấp tiêu chuẩn và cơ quan quản lý/ban hành tiêu chuẩn tại Trung Quốc..... | 67 |
| <i>Bảng 3.1:</i> | Số lượng tiêu chuẩn quốc gia (theo từng lĩnh vực) giai đoạn 2007-2016 | 80 |
| <i>Bảng 3.2:</i> | Mức độ thay đổi nhóm, phân nhóm trong giai đoạn 2007-2016..... | 86 |
| <i>Bảng 3.3:</i> | Số nhóm tiêu chuẩn quốc gia giai đoạn 2007-2016..... | 87 |
| <i>Bảng 3.4:</i> | Số phân nhóm tiêu chuẩn quốc gia giai đoạn 2007-2016..... | 89 |
| <i>Bảng 3.5:</i> | Tỷ lệ (%) theo từng loại tiêu chuẩn hài hòa trong giai đoạn 2007-2016 | 95 |
| <i>Bảng 3.6:</i> | Tỷ lệ (%) tiêu chuẩn quốc gia được xây dựng tiệm cận với phương pháp chấp nhận quốc tế giai đoạn 2007-2016 | 99 |
| <i>Bảng 3.7:</i> | Tiêu chuẩn áp dụng tại Vinakip | 106 |
| <i>Bảng 3.8:</i> | Tính toán lợi ích kinh tế của việc áp dụng tiêu chuẩn tại Vinakip..... | 107 |
| <i>Bảng 3.9:</i> | Kết quả tính toán lợi ích kinh tế của việc áp dụng tiêu chuẩn của một số doanh nghiệp..... | 108 |

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ, HÌNH VẼ

| <u>Số hiệu</u> | <u>Tên biểu đồ</u> | <u>Trang</u> |
|-----------------------|---|---------------------|
| <i>Biểu đồ 2.1:</i> | Các rào cản kỹ thuật trong thương mại..... | 41 |
| <i>Biểu đồ 3.1:</i> | Số lượng tiêu chuẩn quốc gia hiện hành giai đoạn 2007-2016 | 80 |
| <i>Biểu đồ 3.2:</i> | Một số lĩnh vực có số lượng tiêu chuẩn quốc gia tăng nhiều trong giai đoạn 2007-2016 | 83 |
| <i>Biểu đồ 3.3:</i> | Một số lĩnh vực có số lượng tiêu chuẩn quốc gia tăng ít trong giai đoạn 2007-2016 | 84 |
| <i>Biểu đồ 3.4:</i> | Tỷ lệ (%) tiêu chuẩn quốc gia hài hòa trong tổng số tiêu chuẩn quốc gia hiện hành giai đoạn 2007-2016..... | 93 |
| <i>Biểu đồ 3.5:</i> | Tỷ lệ (%) tiêu chuẩn quốc gia hài hòa theo số tiêu chuẩn quốc gia được công bố hàng năm trong giai đoạn 2007-2016 | 94 |
| <i>Biểu đồ 3.6:</i> | Tỷ lệ (%) tiêu chuẩn quốc gia hiện hành hài hòa theo các mức độ tương đương trong hệ thống tiêu chuẩn quốc gia trong giai đoạn 2007- 2016 | 101 |
| <i>Biểu đồ 3.7:</i> | Tỷ lệ (%) tiêu chuẩn quốc gia được soát xét trong giai đoạn 2007-2016 | 102 |
| <i>Hình 2.1:</i> | Các bên liên quan trong quá trình xây dựng tiêu chuẩn quốc gia..... | 65 |

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong hội nhập kinh tế toàn cầu hiện nay, tiêu chuẩn có vai trò quan trọng trong thương mại quốc tế ở cả tầm vĩ mô và vi mô. Tiêu chuẩn thường được sử dụng làm những điều khoản được chấp nhận chung khi xác lập các quan hệ giao dịch giữa các đối tác. Đặc biệt, khi có tranh chấp, tiêu chuẩn chính là cơ sở kỹ thuật cho việc thảo luận, giải quyết và tài phán. Ngày nay, không ai còn nghi ngờ gì khi nói rằng tiêu chuẩn có vai trò và tác dụng to lớn đối với cuộc sống hàng ngày của mỗi người nói riêng và đối với sự phát triển kinh tế của đất nước, hội nhập quốc tế nói chung. Thông thường, chúng ta không nghĩ đến tiêu chuẩn, trừ khi gặp phải những bất lợi khi thiếu vắng chúng. Trong thực tế, rất khó hình dung được cuộc sống hàng ngày mà không có tiêu chuẩn. Tiêu chuẩn chính là yếu tố để hợp lý hóa sản xuất; thuận lợi hóa giao dịch, là yếu tố sáng tạo và phát triển sản phẩm, yếu tố chuyển giao công nghệ mới và là yếu tố quyết định chiến lược.

Ngài Kofi Annan - Nguyên Tổng Thư ký Liên hợp quốc trong cuộc họp Đại hội đồng lần thứ 27 ngày 14-16/9/2004 tại Geneva, Thụy Sĩ, đã đánh giá tiêu chuẩn có vai trò quan trọng để phát triển một cách bền vững, nó có vai trò vô giá giúp các nước phát triển kinh tế và xây dựng năng lực cạnh tranh trên thị trường toàn cầu. Đối với thế giới của chúng ta, tiêu chuẩn tạo nên sự khác biệt mang tính tích cực.

Nhận thức rõ vai trò của tiêu chuẩn và phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia trong hội nhập kinh tế quốc tế, những năm qua Việt Nam đã rất chú trọng phát triển hệ thống này và đạt được nhiều kết quả. Hệ thống tiêu chuẩn quốc gia hiện hành với hơn 9.550 tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam (TCVN), trong đó hơn 50 % đạt tỷ lệ hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực

do 13 bộ quản lý chuyên ngành xây dựng đã và đang trở thành công cụ hữu hiệu góp phần đắc lực phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và yêu cầu quản lý kinh tế - xã hội của đất nước. Tiêu chuẩn quốc gia được định hướng xây dựng cho các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ chủ lực và những vấn đề thiết yếu khác của của nền kinh tế - xã hội đất nước. Mặt khác, tỷ lệ hài hòa tiêu chuẩn quốc gia với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực không ngừng được nâng lên sẽ góp phần đắc lực phục vụ cho việc cải tiến và đổi mới công nghệ, sản xuất và cung cấp các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có chất lượng, thúc đẩy thuận lợi hóa giao dịch thương mại của Việt Nam trên trường quốc tế.

Tuy nhiên, hệ thống tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế như: vẫn chưa bao quát hết các lĩnh vực cần xây dựng; tỷ lệ tiêu chuẩn quốc gia hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực có tăng lên nhưng hiệu quả chưa cao; tỷ lệ tiêu chuẩn quốc gia được xây dựng theo phương pháp không tương đương còn khá cao; tỷ lệ tiêu chuẩn quốc gia được soát xét thay thế, hủy bỏ để đảm bảo phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ chưa nhiều... Tất cả những hạn chế đó ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động thương mại nói riêng và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước nói chung.

Đặc biệt, trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu vào nền kinh tế thế giới, khi phần lớn các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã tham gia đều bước sang giai đoạn cắt giảm sâu, xóa bỏ hàng rào thuế quan đối với phần lớn các dòng thuế trong biểu thuế nhập khẩu, thì bài toán phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia như thế nào để đáp ứng tình hình mới lại càng trở nên bức thiết hơn.

Để góp phần vào giải quyết vấn đề này, cần có những nghiên cứu cơ bản về lý luận, tìm hiểu kinh nghiệm thực tiễn và phân tích, đánh giá thực trạng,

từ đó phát hiện ra các nguyên nhân, tìm kiếm giải pháp nhằm phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam trong thời gian tới. Vì vậy, nghiên cứu sinh chọn đề tài: “***Phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia ở Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế***” làm đề tài luận án tiến sĩ, chuyên ngành Kinh tế phát triển vừa có tính cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn.

Đây là lĩnh vực thuộc phạm vi hoạt động thực tiễn của nghiên cứu sinh, với tư cách là cán bộ thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, nên nghiên cứu sinh nhận thấy sự phát triển của hệ thống tiêu chuẩn quốc gia còn tồn tại nhiều vấn đề mà trong xử lý công việc hàng ngày của mình cũng gặp không ít khó khăn, vướng mắc. Chính vì vậy, việc nghiên cứu chủ đề này hy vọng sẽ giúp ngành và bản thân giải tỏa được phần nào những vấn đề đó.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở hệ thống hóa và làm rõ hơn cơ sở lý luận về phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia; đánh giá thực trạng phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia ở Việt Nam từ khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật có hiệu lực thi hành (năm 2007) đến năm 2016, luận án đề xuất những phương hướng và giải pháp chủ yếu nhằm phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu trên, luận án sẽ thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- Hệ thống hóa và xây dựng một số vấn đề lý luận về phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

- Tìm hiểu kinh nghiệm của một số quốc gia về phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia trong hội nhập kinh tế quốc tế và rút ra một số bài học đối với phát triển hệ thống tiêu chuẩn quốc gia ở Việt Nam.